UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/SXD-STC

Hải Dương, ngày 10 tháng 7 năm 2024

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29-12-2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 21-10-2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ thông tin giá cả thị trường, căn cứ báo giá của các đơn vị sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, Liên Sở Xây dựng - Tài chính Hải Dương tổng hợp và công bố giá vật liệu xây dựng phổ biến, bình quân trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong tháng 6 năm 2024 như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng công bố chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được công bố trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá phổ biến, bình quân trên địa bàn tỉnh Hải Dương; đăng ký thông tin phục vụ công bố giá; mức giá niêm yết của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Một số loại vật liệu có địa điểm giao hàng, điều kiện giao hàng được thông tin chi tiết trong bảng giá.

2. Giá vật liệu xây dựng được công bố gồm:

- Bảng 1: Giá vật liệu xây dựng phổ biến, bình quân tại nơi tiêu thụ tập trung, trung tâm các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Bảng 2: Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngoài các chủng loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tại khoản 2 công bố này, giá các mặt hàng vật liệu xây dựng, thiết bị công trình khác giữ nguyên như trong Công bố giá số 04/SXD-STC ngày 15-5-2024 và 05/SXD-STC ngày 10-6-2024 (do không có biến động về giá).

4. Chủ đầu tư sử dụng giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được công bố làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc tổ chức xác định giá vật liệu xây dựng, thiết bị công

trình phù hợp với: yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công, địa điểm xây dựng, kế hoạch thực hiện cụ thể của công trình và chịu trách nhiệm về việc sử dụng giá vật liệu trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có biến động về giá, đề nghị gửi thông tin về Sở Xây dựng để được xem xét, hướng dẫn cụ thể./.

KT. GIÁM ĐỐC **SỞ TÀI CHÍNH** **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**KT. GIÁM ĐỐC** **SỞ XÂY DỰNG** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG
Nguyễn Đồng Kim	**Nguyễn Trọng Hải**

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Xây dựng;
- Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng;
- Lưu: SXD, STC.

II. NHIÊN LIỆU

TT	TÊN VẬT LIỆU, QUY CÁCH PHẨM CHẤT	ĐVT	GIÁ CHƯA VAT (đồng)
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)		
	Từ 15h00'ngày 06/6/2024		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	20.418
	Xăng RON 95-III	đ/lít	19.973
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	17.655
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	15.709
	Từ 15h00' ngày 13/6/2024		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	20.655
	Xăng RON 95-III	đ/lít	20.209
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	17.855
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	15.345
	Từ 15h00' ngày 20/6/2024		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	20.864
	Xăng RON 95-III	đ/lít	20.418
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	18.509
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	15.655
	Từ 15h00 ngày 27/6/2024		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	21.364
	Xăng RON 95-III	đ/lít	20.918
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	18.800
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	15.855

Bảng1: Giá vật liệu tại nơi tiêu thụ tập trung, trung tâm các huyện, thành phố, thị xã

(kèm theo Công bố giá số 06/SXD-STC ngày 10-7-2024 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính Hải Dương)

I.VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU

1. Giá vật liệu xây dựng

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	TÊN VẬT LIỆU QUY CÁCH PHẨM CHẤT	ĐV tính	Hải Dương	Gia Lộc	Tứ Kỳ	Ninh Giang	Thanh Miện	Bình Giang	Cẩm Giàng	Nam Sách	Thanh Hà	Chí Linh	Kim Thành	Kinh Môn
1	Gạch xây tuy nen 2 lỗ loại 1	1000v	1.050	1.050	1.030	1.050	1.050	1.050	1.030	1.020	1.050	1.020	1.020	1.020
2	Gạch xây tuy nen đặc loại 1	-	1.300	1.300	1.270	1.300	1.300	1.300	1.280	1.270	1.300	1.300	1.270	1.270
3	XM PCB30 Hoàng Thạch	tấn	1.520	1.525	1.530	1.545	1.545	1.545	1.525	1.505	1.510	1.485	1.480	1.470
4	XM PCB40 Hoàng Thạch	-	1.540	1.545	1.550	1.565	1.565	1.565	1.545	1.525	1.530	1.505	1.500	1.490
5	XM PCB30 Trung Hải	-	1.020	1.020	1.025	1.040	1.040	1.040	1.020	1.000	1.005	1.000	990	970
6	XM PCB40 Phúc Sơn	-	1.318	1.323	1.328	1.343	1.343	1.343	1.323	1.303	1.328	1.303	1.298	1.288
7	XM PCB30 Phúc Sơn	-	1.288	1.293	1.298	1.313	1.313	1.313	1.313	1.273	1.298	1.273	1.268	1.258
8	XM PCB40B Phúc Sơn (rời)	-	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.033	1.023
9	Bê tông thương phẩm mác 250	m^3	1.055	1.055	1.055	1.085	1.085	1.075	1.055	1.055	1.065	1.075	1.075	1.035
10	Cát vàng mô đun độ lớn M_L>2,0	-	565	565	570	580	580	590	570	565	575	575	565	565
11	Cát vàng mô đun độ lớn M_L = 1,5-2,0	-	455	455	460	470	470	480	460	455	465	465	455	455
12	Cát đen mô đun độ lớn M_L = 0,7-1,4	-	245	245	250	260	260	270	250	245	255		245	245
13	Cát đen đắp nền	-	210	210	215	225	225	230	215	210	220		210	210
14	Đá 4x6	-	305	306	305	315	317	319	306	303	306	307	301	295
15	Đá 2x4	-	335	336	335	345	347	347	336	333	336	337	331	325
16	Đá 1x2	-	350	351	350	360	362	364	351	348	351	352	346	340
17	Đá xô, kích thước từ 0,5 đến 5	-	260	261	260	270	272	274	261	258	261	262	256	250
18	Đá hộc	-	290	291	290	300	302	304	291	288	291	292	286	280
19	Đá mạt	-	230	231	230	240	242	244	231	228	231	232	226	220
20	Đá 0,5 x 1	-	290	291	290	300	302	304	291	288	291	292	286	280
21	Cấp phối đá dăm loại I (Base)	-	297	298	297	307	309	311	298	295	298	299	293	285
22	Cấp phối đá dăm loại II (Subase)	-	285	286	285	295	297	299	286	283	286	287	276	270
23	Thép tấm đen cán nguội dày < 2mm	tấn	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
24	Thép tấm đen cán nóng dày 2 ÷ 10mm	tấn	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500

- Đá dăm TCVN 7572-2006, cấp phối đá dăm TCVN 8859:2023, cát đen đắp nền TCVN 4054-2005.
- Bê tông thương phẩm mác 200 giá thấp hơn mác 250 là 50.000 đồng/m^3, bê tông thương phẩm mác 300 giá cao hơn mác 250 là 40.000 đồng/m^3.
- Giá đá hộc áp dụng đối với các công trình thủy lợi, vận chuyển trực tiếp đến chân công trình bằng đường thủy; đối với các công trình còn lại khi sử dụng đá hộc chủ đầu tư tổ chức xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm xây dựng.

Bảng 2: Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

(kèm theo Công bố giá số 06/SXD-STC ngày 10-7-2024 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính Hải Dương)

1. Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên (Thép xây dựng)

- Thông báo giá ngày 14 tháng 5 năm 2024.

- Thông báo giá ngày 17 tháng 6 năm 2024.

2. Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên (TISCO) (Thép xây dựng)

- Quyết định số 85/QĐ-GTTN ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc ban hành giá bán thép hình tại công ty.

- Quyết định số 317/QĐ-GTTN ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty.

- Quyết định số 373/QĐ-GTTN ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty.

3. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Nhựa đường)

Thông báo số 612B/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01 tháng 6 năm 2024 thông báo giá định hướng nhựa đường Petrolimex.

4. Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đại Thịnh Phú (Sản phẩm chiếu sáng)

Công văn số 02/2024TBG-LS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

5. Công ty cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia (Sản phẩm chiếu sáng)

Công văn số 024/HG-DLT ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

6. Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình (Dây và cáp điện)

Công văn số 126/CADI-SUN ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

7. Công ty Cổ phần điện nước Minh Ngọc (Đất san lấp)

Công văn số 28/CTMN ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

8. Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Minh Hằng (Đất san lấp)

Công văn số 027/CTMH ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

9. Công ty Cổ phần Bơm Công nghiệp Hải Dương (Máy bơm nước và máy đóng mở)

Công văn số 002/CVDK-BCN ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

10. Công ty Cổ phần Tây Bắc BQP (Sơn nước)

Công văn số 03/CBG-TB ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.